

Bản án số: 22/2018/KDTM-ST

Ngày: 24 – 9 – 2018

V/v: “Tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN THÀNH, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Xuân Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Phụng

2. Bà Nguyễn Thị Kim Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân - Thư ký tòa án nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 33/2018/TLST-KDTM ngày 26 tháng 6 năm 2018 về: “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2018/QĐXXST-KDTM ngày 17 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa ngày 04 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Dịch vụ G;

Địa chỉ: Đường X, phường Y, thành phố Z, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn: ông Đặng Thanh H, sinh năm 1995 (có mặt) và ông Trương Ngô Hồng T, sinh năm 1986 (vắng mặt); cùng trú tại: Đường X, phường Y, thành phố Z, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; là đại diện theo ủy quyền, theo Giấy ủy quyền ngày 25/6/2018.

2. *Bị đơn:* Công ty trách nhiệm hữu hạn M Việt Nam

Địa chỉ: Khu công nghiệp X, thị xã Y, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

Người đại diện hợp pháp cho bị đơn: Ông D, sinh năm 1959; trú tại: Đường X, phường Y, thành phố Z, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; là đại diện theo pháp luật (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 6 năm 2018 và các lần làm việc tại Tòa án, nguyên đơn – Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Dịch vụ G trình bày:

Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Dịch vụ G (gọi tắt là Công ty G) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3501575766 đăng

ký lần đầu ngày 02/4/2010 của Phòng Đăng ký Kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Vào ngày 01/9/2017, Công ty G và Công ty trách nhiệm hữu hạn M Việt Nam (gọi tắt là Công ty M) ký kết hợp đồng nguyên tắc số 09/17/VIETNAM – GIA BINH với nội dung: Công ty G đồng ý bán cho Công ty M vật tư, hàng hóa là thép các loại theo đơn đặt hàng của Công ty M; đơn giá theo đơn đặt hàng, có sự xác nhận của hai bên; thời hạn thanh toán sau 30 ngày kể từ ngày nhận được hàng hóa và hóa đơn giá trị gia tăng, hình thức thanh toán: chuyển khoản vào tài khoản của Công ty G.

Sau khi ký hợp đồng nguyên tắc và trên cơ sở các đơn đặt hàng, Công ty G đã tiến hành cung cấp thép tấm các loại đầy đủ về số lượng và đảm bảo chất lượng cho Công ty M. Từ tháng 3 năm 2018, Công ty M đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán; chưa thanh toán số tiền nợ có tổng giá trị hàng hóa đã bán là: 7.096.348.413 đồng.

Chứng cứ bán hàng mà Công ty G cung cấp là: 08 đơn hàng từ ngày 29/3/2018 đến ngày 09/5/2018; 08 hóa đơn giá trị gia tăng và Thư xác nhận công nợ ngày 31/5/2018.

Nay Công ty G yêu cầu Công ty M thanh toán số tiền nợ gốc là 7.096.348.413đ (Bảy tỷ không trăm chín mươi sáu triệu ba trăm bốn mươi tám ngàn bốn trăm mười ba đồng).

Trong suốt giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, Bị đơn Công ty TNHH M Việt Nam vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Thành cho rằng:

Về trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng theo quy định của Luật tố tụng dân sự, cụ thể: thu thập tài liệu chứng cứ đúng quy định, xác định đúng quan hệ tranh chấp, đúng thẩm quyền giải quyết, các quyền và nghĩa vụ của đương sự đã được thực hiện đầy đủ.

Về nội dung vụ án: Qua trình bày của đương sự, cùng tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nhận thấy: hợp đồng nguyên tắc được ký giữa hai công ty là phù hợp với quy định của pháp luật, công ty G đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao hàng hóa của bên bán hàng, công ty M đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán của bên mua hàng hóa; do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty G; buộc Công ty M thanh toán cho Công ty G số tiền 7.096.348.413đ (Bảy tỷ không trăm chín mươi sáu triệu ba trăm bốn mươi tám ngàn bốn trăm mười ba đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào đơn khởi kiện của Công ty G thì Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”; bị đơn Công ty M có trụ sở tại thị xã Phú Mỹ; nay có tranh chấp nên xác định đây là vụ án Kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Thành theo quy định tại Điều 30, 35 và 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn – Công ty M không có yêu cầu phản tố, đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả

kháng hay trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự không hoãn phiên tòa mà tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét công việc của Công ty G đã thực hiện cho Công ty M theo thỏa thuận tại Hợp đồng cung cấp số 09/17/VIETNAM – GIA BINH ngày 01/9/2017 thì thấy:

Ngày 01/9/2017, Công ty G và Công ty M ký kết hợp đồng nguyên tắc số 09/17/VIETNAM – GIA BINH với nội dung: Công ty G sẽ bán vật tư hàng hóa là thép tấm các loại cho Công ty M. Trên cơ sở các đơn đặt hàng từ phía Công ty M, Công ty G đã cung cấp đầy đủ số lượng và chất lượng hàng hóa là thép tấm các loại, điều này thể hiện tại 08 đơn hàng PO 2018-03-36, PO 2018-03-44, PO 2018-03-74, PO 2018-03-73, PO 2018-04-08, PO 2018-04-09, PO 2018-04-15 và PO 2018-04-60 từ ngày 29/3/2018 đến ngày 09/5/2018; các hóa đơn giá trị gia tăng số: 0000376 ngày 29/3/2018, số 0000377 ngày 29/3/2018, số 0000380 ngày 03/4/2018, số 0000382 ngày 27/4/2018, số 0000383 ngày 27/4/2018, số 0000384 ngày 27/4/2018, số 0000385 ngày 09/5/2018, số 0000386 ngày 09/5/2018.

Đến ngày 31/5/2018, đại diện hợp pháp cho Công ty M – ông D và đại diện hợp pháp cho Công ty G – ông Đ đã đối chiếu công nợ và xác nhận tại Thư xác nhận công nợ, với nội dung: Công ty M còn nợ Công ty G số tiền: 7.096.348.413đ (Bảy tỷ không trăm chín mươi sáu triệu ba trăm bốn mươi tám ngàn bốn trăm mười ba đồng).

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không nhận được tài liệu chứng cứ nào có liên quan đến việc khiếu nại số lượng và chất lượng hàng hóa của Công ty M đối với Công ty G đã giao.

Do đó có đủ cơ sở để khẳng định Công ty G đã thực hiện đúng nội dung hợp đồng nguyên tắc ký ngày 01/9/2017 cho Công ty M và tính đến ngày 31/5/2018, Công ty M còn nợ Công ty G số tiền: 7.096.348.413đ (Bảy tỷ không trăm chín mươi sáu triệu ba trăm bốn mươi tám ngàn bốn trăm mười ba đồng).

[2.2] Xét việc thanh toán số tiền trên của Công ty M cho Công ty G thì thấy:

Theo thỏa thuận tại hợp đồng số 09/17/VIETNAM – GIA BINH và các đơn đặt hàng Công ty M phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty G sau 30 ngày kể từ ngày nhận được hàng hóa và hóa đơn giá trị gia tăng; với hình thức thanh toán là: chuyển khoản vào số tài khoản của Công ty G.

Căn cứ vào Bảng sao kê tài khoản số 050031999399 của Công ty G mở tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – chi nhánh Bà Rịa – Vũng Tàu và số 76010000301800 của Công ty G mở tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Bà Rịa – Vũng Tàu thì từ ngày 31/5/2018 đến ngày 24/9/2018 không thể hiện việc Công ty M chuyển trả tiền cho Công ty G.

Tòa án cũng đã tiến hành niêm yết đơn khởi kiện, chứng cứ kèm theo đơn của Công ty G, thông báo thụ lý vụ án cho Công ty M biết, tuy nhiên cho đến thời điểm xét xử, Công ty M cũng không cung cấp cho Tòa án được tài liệu, chứng cứ chứng minh đã trả số tiền nợ trên cho Công ty G. Việc Công ty M trong suốt quá trình giải quyết vụ án đã vắng mặt, không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh để bảo vệ

quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên phải chịu hậu quả về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đã được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ những phân tích trên, căn cứ vào Điều 50, Điều 55 Luật thương mại 2005, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của Công ty G; buộc Công ty M phải thanh toán cho Công ty G số tiền: 7.096.348.413đ (Bảy tỷ không trăm chín mươi sáu triệu ba trăm bốn mươi tám ngàn bốn trăm mười ba đồng).

[3] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty M phải chịu án phí do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, mức án phí được tính là: 115.096.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 30, 35, 39, 227, 228, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 50, Điều 55 Luật thương mại năm 2005; Điều 26 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Dịch vụ G về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”;

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn M Việt Nam phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Dịch vụ G số tiền 7.096.348.413đ (Bảy tỷ không trăm chín mươi sáu triệu ba trăm bốn mươi tám ngàn bốn trăm mười ba đồng).

2. Công ty trách nhiệm hữu hạn M Việt Nam phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm với số tiền 115.096.000đ (Một trăm mười lăm triệu không trăm chín mươi sáu ngàn đồng).

3. Hoàn trả lại số tiền 57.548.000đ (Năm mươi bảy triệu năm trăm bốn mươi tám ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003169 ngày 26/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Dịch vụ G.

4. Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

5. Các đương sự được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (người vắng mặt cũng 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

6. Trường hợp, bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKS nhân dân huyện Tân Thành;
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Chi cục THADS thị xã Phú Mỹ;
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
(Đã ký tên và đóng dấu)

Cao Xuân Long